| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 112 | | | | Bộ khăn phẫu thuật sọ não | Thùng/ 13 bộ | NTI VINA | VIỆT NAM | bộ | 368.000 | 100 | 36.800.000 | 2.CÔNG TY TNHH TM DV KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ ANH DUY (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 162 | | | | Vít đa/ đơn trục flamenco, | Gói/ 1 | Ulrich | Đức | cái | 3.500.000 | 50 | 175.000.000 | 9. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E (31 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 163 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp dọc flamenco, | Gói/ 1 | Ulrich | Đức | cây | 1.900.000 | 5 | 9.500.000 | 9. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E (31 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 164 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Vít vỏ xương Ø3.5mm các cỡ | Gói/ 1 | Auxein | Ấn Độ | cái | 47.000 | 1.200 | 56.400.000 | 9. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E (31 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 165 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Vít vỏ xương Ø4.5mm các cỡ | Gói/ 1 | Auxein | Ấn Độ | cái | 61.000 | 1.500 | 91.500.000 | 9. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E (31 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 166 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Vít xương xốp Ø6.5mm các cỡ, 16/ 32mm ren | Gói/ 1 | Auxein | Ấn Độ | cái | 103.000 | 100 | 10.300.000 | 9. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E (31 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 167 | 158 | N06.04.052 | Khớp háng bán phần các loại, các cỡ | Khớp háng bán phần HAC (không xi măng) | Hộp/Bộ | Evolutis | Pháp | Bộ | 33.000.000 | 10 | 330.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 168 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá lồi cầu trên cánh tay 4 lỗ | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 4.200.000 | 5 | 21.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 169 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá lồi cầu trên cánh tay 5 lỗ | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 4.200.000 | 5 | 21.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 170 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá lồi cầu trên cánh tay 6 lỗ | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 4.200.000 | 5 | 21.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 171 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá xương đòn 6 lỗ trái/phải | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 3.600.000 | 5 | 18.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 172 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá xương đòn 7 lỗ trái/phải | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 3.600.000 | 10 | 36.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 173 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Nẹp khoá xương đòn 8 lỗ trái/phải | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 3.600.000 | 5 | 18.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 174 | | | | Nẹp xương bánh chè | Bịch/Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 1.600.000 | 20 | 32.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 175 | 280 | N07.06.040 | Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ | Vít xốp 6.5 (các cỡ) | Bịch/10 Cái | Jiangsu Ideal Medical Science &Technology Co., Ltd | Trung Quốc | Cái | 125.000 | 100 | 12.500.000 | 10. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỲ PHONG (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 176 | | | | Dịch nhầy Hyprosol 2% (HPMC 2%), 5ml | Hộp 01 lọ | Sunways | Ấn Độ | Lọ | 126.000 | 800 | 100.800.000 | 11. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 177 | | | | Film AGFA Drystar DT 5.000I B 14x17 inch (35x43cm) | Hộp/ 100 tấm | Agfa Healthcare N.V. Septestraat 27 – 2640 Mortel - Belgium | Bỉ | Tấm | 47.600 | 18.000 | 856.800.000 | 12. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG NAM (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 178 | | | | Quả lọc thận Polyethersulfone H160 | 01 quả/túi | SaFil Tibbi | Turkey | cái | 350.000 | 200 | 70.000.000 | 13. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TÂN THÀNH (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 179 | | | | Quả lọc thận Polyethersulfone L160 | 01 quả/túi | SaFil Tibbi | Turkey | cái | 285.000 | 2.000 | 570.000.000 | 13. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TÂN THÀNH (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 180 | 153 | N06.03.010 | Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) | Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự Micropure 123 kèm dụng cụ đặt nhân | TTT đặt sẵn trong cartridge trong hộp vô trùng | PhysIOL S.A | Bỉ | Cái | 3.500.000 | 700 | 2.450.000.000 | 14. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH CÔNG (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 181 | | | | Bộ dây truyền máu dùng trong lọc thận | 30 bộ /thùng | JiangXi Sanxin | Trung Quốc | Bộ | 47.481 | 30.000 | 1.424.430.000 | 15. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THIỀN ÂN (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 182 | | | | Chất nhầy PT phaco DUOVISC | Hộp | Alcon | Bỉ | hộp | 607.950 | 100 | 60.795.000 | 16. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIỀN BẢO NGUYÊN (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 183 | | | | Cassette Laureate 8065750541 | Hộp/ 6 cái | Alcon | Mỹ | cái | 953.820 | 140 | 133.534.800 | 16. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIỀN BẢO NGUYÊN (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 184 | 153 | N06.03.010 | Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) | Thủy tinh thể nhân tạo mềm AcrySof IQ SN60WF | Hộp/ 1 cái | Alcon | Ireland/Mỹ | cái | 3.492.900 | 200 | 698.580.000 | 16. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIỀN BẢO NGUYÊN (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 185 | | | | Chất nhày hyprosol 2% Aurovisc | 1 lọ/ Hộp | Aurolab | Ấn Độ | lọ | 120.000 | 3.000 | 360.000.000 | 17. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN TRƯỜNG (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 186 | 153 | N06.03.010 | Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) | Thủy tinh thể mềm HOYA phi cầu Isert 251 | Hộp 1 cái | Hoya | Singapore | Cái | 3.320.000 | 600 | 1.992.000.000 | 18. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT LONG (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 187 | | | | Hóa chất rửa phim X-quang dùng cho máy Carestream | - | Carestream | Malaysia | bộ | 1.300.000 | 2 | 2.600.000 | 19. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 188 | | | | Phim khô Carestream đặc biệt chuyên dùng cho máy in khô Carestream, 8x10 inch (20x25cm) | Hộp 100 tấm và Hộp/ 125 tấm | Carestream | Mỹ | tấm | 26.850 | 100.000 | 2.685.000.000 | 19. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 189 | | | | Phim khô Carestream đặc biệt chuyên dùng cho máy in khô Carestream, cỡ 14x17 inch (35x43cm) | Hộp/ 100 tấm và Hộp/ 125 tấm | Carestream | Mỹ | tấm | 67.550 | 18.000 | 1.215.900.000 | 19. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 190 | | | | Phim nha cỡ 3x4cm dùng cho máy Carestream | hộp/ 150 tấm | Carestream | Mỹ | hộp | 930.000 | 20 | 18.600.000 | 19. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 191 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Đai số 8 H1 | Hộp 1 cái | Hameco | Việt Nam | Cái | 88.000 | 600 | 52.800.000 | 20. CÔNG TY CPTM DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 192 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Nẹp cổ cứng ORBE | Túi 1 cái | Hameco | Việt Nam | Cái | 130.000 | 150 | 19.500.000 | 20. CÔNG TY CPTM DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 193 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Nẹp chống xoay nhựa ngắn H3 | Túi 1 cái | Hameco | Việt Nam | Cái | 180.000 | 100 | 18.000.000 | 20. CÔNG TY CPTM DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 194 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Nẹp chống xoay nhựa dài H3 | Túi 1 cái | Hameco | Việt Nam | Cái | 200.000 | 100 | 20.000.000 | 20. CÔNG TY CPTM DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 26/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 1 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 100mm x 200m | 08 cuộn/thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 325.000 | 50 | 16.250.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 2 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 150mm x 200m | 06 cuộn/thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 515.000 | 30 | 15.450.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 3 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 200mm x 200m | 04 cuộn/thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 620.000 | 40 | 24.800.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 4 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 250mm x 200m | 04 cuộn/thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 850.000 | 100 | 85.000.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 5 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 400mm x 200m | 2 cuộn/thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 1.540.000 | 10 | 15.400.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 6 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 50mm x 200m | 16 cuộn/ thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 210.000 | 25 | 5.250.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 7 | | | | Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng loại dẹp 75mm x 200m | 10 cuộn/ thùng | B.M.S | Việt Nam | cuộn | 240.000 | 25 | 6.000.000 | 1. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S (07 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 8 | | | | TĂM BÔNG Y TẾ (TT) (100 QUE/GÓI) | 100 que/gói | Bạch Tuyết | Việt Nam | bịch | 19.950 | 300 | 5.985.000 | 2. CÔNG TY CP DP TRUNG ƯƠNG CODUPHA (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 9 | | | | BANG KEO VAI Y TE DAN HOI 7218 H/100M FABRIC | Hộp/100 miếng | Young Chemical Vina | Việt Nam | miếng | 288 | 230.000 | 66.240.000 | 2. CÔNG TY CP DP TRUNG ƯƠNG CODUPHA (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 10 | | | | BỘ TIÊM CHÍCH FAV (TT) M2 | 1 bộ/gói | Bạch Tuyết | Việt Nam | bộ | 11.340 | 32.000 | 362.880.000 | 2. CÔNG TY CP DP TRUNG ƯƠNG CODUPHA (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 11 | | | | GẠC THẤN NHÂN TẠO 3.5CM X 4.5CM X 40 LỚP (TT)M1 | 2 miếng/ gói | Bạch Tuyết | Việt Nam | miếng | 1.470 | 3.000 | 4.410.000 | 2. CÔNG TY CP DP TRUNG ƯƠNG CODUPHA (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 12 | | | | LATEX T-DRAINAGE TUBE F16 - F20/38cm | Hộp/ 10 cái | Ningbo Foyomed Medical Instruments Co.,Ltd | Trung Quốc | cái | 13.400 | 20 | 268.000 | 2. CÔNG TY CP DP TRUNG ƯƠNG CODUPHA (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 13 | | | | Chỉ tan đa sợi Optime 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm. | Hộp/ 36 tép | Peters Surgical | Pháp | Tép | 68.250 | 15.000 | 1.023.750.000 | 3. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỈNH CAO (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 14 | | | | Chỉ tan đa sợi Optime 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm. | Hộp/ 36 tép | Peters Surgical | Pháp | Tép | 65.835 | 1.080 | 71.101.800 | 3. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỈNH CAO (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 15 | | | | Chỉ tan nhanh đa sợi Optime R 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2, 36mm. | Hộp/ 36 tép | Peters Surgical | Pháp | Tép | 79.989 | 5.000 | 399.945.000 | 3. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỈNH CAO (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 16 | | | | Gạc dẫn lưu TMH chưa tiệt trùng 1cm x 200cm x 4 lớp | Gói/1 cuộn | Bảo Thạch | Việt Nam | cuộn | 1.617 | 1.000 | 1.617.000 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 17 | | | | Gạc ép sọ não tiệt trùng cản quang 1cm x 8cm x 4 lớp | Gói/10 miếng | Bảo Thạch | Việt Nam | miếng | 693 | 10.000 | 6.930.000 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 18 | | | | Gạc hút 0,8m | Bao/250 mét | Bảo Thạch | Việt Nam | mét | 3.612 | 60.000 | 216.720.000 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 19 | | | | Gạc phẫu thuật tiệt trùng có cản quang 30cm x 40 cm x 6 lớp | Gói/5 miếng | Bảo Thạch | Việt Nam | miếng | 6.573 | 130.000 | 854.490.000 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 20 | | | | Hộp đựng vật sắc nhọn 1,5 lít | Bao/50 hộp | Tương Lai | Việt Nam | hộp | 9.240 | 4.000 | 36.960.000 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 21 | | | | Túi đựng sinh phẩm các cỡ | Bao/1 cái | Tương Lai | Việt Nam | cái | 3.822 | 300 | 1.146.600 | 4. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC ÂN (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 22 | | | | Băng cuộn y tế khổ 0,09m x 2,5m | 20 Cuộn/ Gói | An Lành | Việt Nam | Cuộn | 945 | 17.000 | 16.065.000 | 5. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 23 | | | | Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp đã tiệt trùng | 1 Miếng/ Gói | An Lành | Việt Nam | Miếng | 399 | 50.000 | 19.950.000 | 5. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 24 | | | | Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp cản quang tiệt trùng | 10 Miếng/ Gói | Damedco | Việt Nam | Miếng | 609 | 5.000 | 3.045.000 | 5. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 25 | | | | Ống hút đàm có kiểm soát các cỡ | 1 Cái/ Gói | MPV | Việt Nam | Cái | 2.800 | 70.000 | 196.000.000 | 5. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 26 | | | | Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 3/0b, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, M25E26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 12.075 | 22.000 | 265.650.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 27 | | | | Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, M15E16 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 16.275 | 3.000 | 48.825.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 28 | | | | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, S35E26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 19.950 | 10.000 | 199.500.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 29 | | | | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S35A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 17.850 | 2.000 | 35.700.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 30 | | | | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S30A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 13.650 | 5.000 | 68.250.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | | | | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S20A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 13.650 | 2.400 | 32.760.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 32 | | | | Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm, M02HH06L30 | H / 12 tép | CPT | Việt Nam | tép | 121.800 | 240 | 29.232.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 33 | | | | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, C50A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 25.620 | 1.600 | 40.992.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 34 | | | | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, C50A40 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 24.255 | 12.000 | 291.060.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 35 | | | | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, C30A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 22.890 | 9.000 | 206.010.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 36 | | | | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, C25A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 24.255 | 1.000 | 24.255.000 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 37 | | | | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, C20A26 | H / 24 tép | CPT | Việt Nam | tép | 23.205 | 120 | 2.784.600 | 6. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG (12 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 38 | | | | Túi đựng nước tiểu có dây treo 2000ml | Bịch 20 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 4.800 | 45.000 | 216.000.000 | 7. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG KIM (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 39 | | | | Lưỡi dao mổ số 15 | Hộp 100 cái | Ribbel doctors | Ấn Độ | cái | 780 | 3.000 | 2.340.000 | 7. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG KIM (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 40 | | | | Lưỡi dao mổ số 20 | Hộp 100 cái | Ribbel doctors | Ấn Độ | cái | 780 | 15.000 | 11.700.000 | 7. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG KIM (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 41 | | | | Bộ lọc vi khuẩn 1 chức năng có cổng đo CO2 | Gói 1 cái | Altera | Thổ Nhĩ Kỳ | cái | 24.150 | 7.500 | 181.125.000 | 8. CÔNG TY TNHH TBYT HOÀNG LONG (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 42 | | | | Lọc giữ ẩm cho ống mở khí quản | - | Create Biotech | Đài Loan | Cái | 26.250 | 3.000 | 78.750.000 | 9. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 43 | | | | Băng cố định vết gãy trong chấn thương chỉnh hình 10 cm x270cm | g/1 cuộn | Anji Wande | Trung Quốc | cuộn | 9.870 | 10.000 | 98.700.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 44 | | | | Băng cố định vết gãy trong chấn thương chỉnh hình 15 cm x270cm | g/1 cuộn | Anji Wande | Trung Quốc | cuộn | 13.440 | 11.000 | 147.840.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 45 | | | | Băng cố định vết gãy trong chấn thương chỉnh hình 7.5 cm x270cm | g/1 cuộn | Anji Wande | Trung Quốc | cuộn | 7.770 | 4.500 | 34.965.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 46 | 114 | N04.04.020 | Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ | Ống dẫn đường mềm 0,035", dài 150cm | g/1 cái | Urovision | Đức | cái | 1.120.000 | 60 | 67.200.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 47 | 93 | N04.01.090 | Thông (sonde) các loại, các cỡ | Ống thông niệu quản J-J đầu mở số 6-8Fr, dài 26cm | g/1 cái | Urovision | Đức | cái | 470.400 | 300 | 141.120.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 48 | 93 | N04.01.090 | Thông (sonde) các loại, các cỡ | Ống thông niệu quản size 6-7Fr, dài 70cm | g/1 cái | Urovision | Đức | cái | 365.400 | 20 | 7.308.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 49 | 266 | N07.04.100 | Rọ, bóng lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại, các cỡ | Rọ lấy sỏi 3.0 Fr, 4 Wires, dài 90cm | g/1 cái | Urovision | Đức | cái | 2.861.250 | 10 | 28.612.500 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 50 | | | | Bộ mask xông phun khí dung người lớn, trẻ em | g/1 cái | Zibo Eastmed | Trung Quốc | bộ | 11.970 | 9.000 | 107.730.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 51 | | | | Bộ lọc vi khuẩn 3 chức năng, có chức năng làm ẩm (SK200P) | g/1 cái | Saykia | Đài Loan | cái | 21.000 | 4.000 | 84.000.000 | 10. CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG PHÁT (09 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 52 | | | | Urgocrepe 10cm x 4.5m | Hộp 1 cuộn | Urgo Healthcare | Thái Lan | Cuộn | 119.500 | 250 | 29.875.000 | 11. CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỖ (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 53 | | | | Urgosterile 53mm x 70mm | Hộp 50 miếng | Urgo Healthcare | Thái Lan | Miếng | 3.430 | 10.000 | 34.300.000 | 11. CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỖ (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 54 | | | | Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp) | Hộp 12 cuộn | Urgo Healthcare | Thái Lan | Cuộn | 16.830 | 50.000 | 841.500.000 | 11. CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỖ (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 55 | | | | Urgotul SSD 10cm x 12cm | Hộp 10 miếng | Laboratoires Urgo | Pháp | Miếng | 40.740 | 1.100 | 44.814.000 | 11. CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỖ (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 56 | | | | Sanyrene 20ml | Hộp 1 chai | Laboratoires Urgo | Pháp | Chai | 147.000 | 150 | 22.050.000 | 11. CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỖ (05 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 57 | | | | Ống nẵng (Catheter mount) | 01 cái/gói | Zhejiang Haisheng | Trung Quốc | Cái | 20.900 | 10.000 | 209.000.000 | 12. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 58 | | | | Điện cực tim (dán) người lớn | 50 cái/gói | Shanghai Litu | Trung Quốc | Cái | 1.365 | 45.000 | 61.425.000 | 12. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 59 | | | | Thông nelaton 1 nhánh các số | Hộp / 10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 5.733 | 14.000 | 80.262.000 | 13. CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ TP.HCM (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 60 | | | | LYOSTYPT 5X8CM | Hộp/ 6 miếng | B.braun | Tây Ban Nha | Miếng | 141.863 | 480 | 68.094.240 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 61 | | | | BONE WAX 24 X 2.5 G | Hộp/ 24tép | B.braun | Tây Ban Nha | Miếng | 64.489 | 150 | 9.673.350 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 62 | | | | DAFILON BLUE USP 2/0 75CM DS24 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 24.928 | 1.800 | 44.870.400 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 63 | | | | DAFILON BLUE USP 3/0 75CM DS24 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 24.928 | 1.800 | 44.870.400 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 64 | | | | DAFILON BLUE USP 4/0 75CM DS19 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 24.928 | 360 | 8.974.080 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 65 | | | | DAFILON BLUE USP 5/0 75CM DS16 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 26.944 | 360 | 9.699.840 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 66 | | | | CERVIX-SET (TAPE) - DAGROFIL WHITE 50 CM X 0.5 CM 2 X HRN45 | Hộp/ 6tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 370.848 | 36 | 13.350.528 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 67 | | | | NOVOSYN QUICK USP 2/0 90CM HRC37S | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 104.084 | 14.000 | 1.457.176.000 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 68 | | | | SAFIL VIOLET USP 3/0 70CM HR26 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 76.126 | 2.400 | 182.702.400 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 69 | | | | SAFIL VIOLET USP 4/0 70CM HR22 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 75.723 | 300 | 22.716.900 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 70 | | | | SAFIL VIOLET USP 5/0 70CM HR17 | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 95.798 | 200 | 19.159.600 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 71 | | | | SAFIL VIOLET USP 1 90CM HR40S | Hộp/ 36tép | B.braun | Tây Ban Nha | Tép | 91.942 | 8.000 | 735.536.000 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 72 | 164 | N06.05.020 | Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ | OPTILENE MESH LP 10X15CM | Hộp/ 05 miếng | B.braun | Tây Ban Nha | Miếng | 1.797.672 | 20 | 35.953.440 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 73 | 164 | N06.05.020 | Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ | PREMILENE MESH 5X10CM | Hộp/ 05 miếng | B.braun | Tây Ban Nha | Miếng | 950.887 | 300 | 285.266.100 | 14. CÔNG TY TNHH NGUYÊN LONG (14 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 74 | | | | Dây hút dịch phẫu thuật | 1 cái /túi | Nhật Minh | Việt Nam | Cái | 7.875 | 15.000 | 118.125.000 | 15. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 75 | | | | Dây cho ăn có nắp các số | Hộp/100 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 3.500 | 8.000 | 28.000.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 76 | | | | Ống Đặt nội khí quản có bóng các số | Hộp/10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 10.700 | 11.000 | 117.700.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 77 | | | | Ống Đặt nội khí quản không bóng các số | Hộp/10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 10.700 | 200 | 2.140.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 78 | | | | Thông foley 2 nhánh các số | Hộp/10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 8.500 | 20.000 | 170.000.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 79 | | | | Thông foley 3 nhánh các số | Hộp/10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 17.000 | 100 | 1.700.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 80 | | | | Thông hậu môn số các số | Hộp/40 sợi | Greetmed | Trung Quốc | cái | 2.800 | 200 | 560.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 81 | | | | Thông phổi các số | Hộp/50 sợi | Ishwari | Ấn Độ | cái | 45.000 | 200 | 9.000.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 82 | | | | Thông Pezzer các số | Hộp/10 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 18.800 | 100 | 1.880.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 83 | | | | Airway nhựa các số | Hộp/50 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 3.755 | 12.000 | 45.060.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 84 | | | | Bao vải có túi hơi | Hộp/ 1 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 55.000 | 200 | 11.000.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 85 | | | | Mặt nạ oxy có túi | Gói / 1 cái | Greetmed | Trung Quốc | cái | 27.000 | 100 | 2.700.000 | 16. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHAN ANH (11 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 86 | | | | CO2 | Kg | SOVIGAZ | VIỆT NAM | Kg | 9.999 | 1.000 | 9.999.000 | 17. CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ) (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 87 | | | | Oxy y tế (99,3-99,8%), chai 2m3 | Chai 2m3 | SOVIGAZ | VIỆT NAM | Chai | 27.687 | 1.000 | 27.687.000 | 17. CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ) (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 88 | | | | Oxy y tế (99,3-99,8%), chai 6m3 | Chai 6m3 | SOVIGAZ | VIỆT NAM | Chai | 48.312 | 5.000 | 241.560.000 | 17. CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ) (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 89 | | | | Oxy y tế dạng lỏng | Kg | SOVIGAZ | VIỆT NAM | Kg | 2.772 | 350.000 | 970.200.000 | 17. CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ) (04 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 90 | 261 | N07.04.040 | Dụng cụ, máy khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo các loại, các cỡ (bao gồm cả vòng, băng ghim khâu kèm theo) | Dụng cụ cắt trĩ 2 vòng khâu theo phương pháp Longo PPH 33 | 1 cái/ hộp | DAVID Ningbo Verykind | Trung Quốc | bộ | 3.800.000 | 10 | 38.000.000 | 18. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TÂN THÀNH (01 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 91 | | | | Kim chạy thận nhân tạo 16G | 1000 cái /thùng | JiangXi Sanxin | Trung Quốc | Cái | 6.489 | 40.000 | 259.560.000 | 1CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THIÊN ÂN (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 92 | | | | Kim chạy thận nhân tạo 17G | 1000 cái /thùng | JiangXi Sanxin | Trung Quốc | Cái | 6.489 | 20.000 | 129.780.000 | 1CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THIÊN ÂN (02 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 93 | | | | Băng thun 3 móc | 12 cuộn/ hộp | Quang Mậu | Việt Nam | cuộn | 12.600 | 8.880 | 111.888.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 94 | | | | Khăn phẫu thuật 50x50cm | 1 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 1.890 | 3.000 | 5.670.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 95 | | | | Túi đo máu sau sinh | 1 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 4.935 | 15.000 | 74.025.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 96 | | | | Khăn lót thấm 40cm x 60cm tiệt trùng | 1 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 4.200 | 10.000 | 42.000.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 97 | | | | Khăn lót thấm 60cm x 60cm | 10 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 7.350 | 35.000 | 257.250.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 98 | | | | Bao dây camera | 1 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 5.880 | 10.000 | 58.800.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 99 | | | | Bao dây cần đốt | 1 cái/ gói | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 5.250 | 6.000 | 31.500.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 100 | | | | Đè lưỡi gỗ tiệt trùng | 100 que/ hộp | Lạc Việt | Việt Nam | hộp | 27.300 | 450 | 12.285.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH (08 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 101 | | | | SPINOCAN G18 X 3 1/2" | Hộp 25 Cái | B.Braun | Nhật | Cái | 21.536 | 500 | 10.768.000 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 102 | | | | CAVAFIX CERTO 358 G14 8CM, G16 45 CM | Thùng 50 Bộ | B.Braun | Đức | Bộ | 179.309 | 50 | 8.965.450 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 103 | | | | CAVAFIX CERTO 257 G16 7CM, G18 45CM | Thùng 50 Bộ | B.Braun | Đức | Bộ | 214.011 | 50 | 10.700.550 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 104 | | | | SPINOCAN G27 X 3 1/2" | Hộp 25 Cái | B.Braun | Nhật | Cái | 21.536 | 7.000 | 150.752.000 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 105 | | | | CERTOFIX DUO HF V 1215 | Hộp 10 Bộ | B.Braun | Đức | Bộ | 882.116 | 150 | 132.317.400 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 106 | | | | PERIFIX ONE 421 COMPLETE SET | Hộp 10 Bộ | B.Braun | Đức | Bộ | 274.500 | 100 | 27.450.000 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI (06 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 107 | | | | Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m | 1 cuộn/ hộp | Great Mountain | China | cuộn | 66.150 | 350 | 23.152.500 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ĐỨC (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 108 | | | | Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7F 20cm có kim V | 1 bộ/ hộp | Gemed | Thổ Nhĩ Kỳ | bộ | 446.250 | 500 | 223.125.000 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ĐỨC (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 109 | | | | Dây thở máy gây mê người lớn | 1 bộ/ gói | Great Mountain | China | bộ | 50.400 | 3.000 | 151.200.000 | CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ĐỨC (03 mặt hàng) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 27/QĐ-BVĐK | 30/01/2019 |
| 278 | | N0101010-1 | BON243 | Bông hút nước | 1 gói/ 1kg | Bảo Thạch | Việt Nam | kg | 139.650 | 7.615 | 1.063.434.750 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 279 | | N0101010-2 | | Bông không hút nước | 1 gói/ 1kg | Bảo Thạch | Việt Nam | kg | 102.900 | 563 | 57.932.700 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 280 | | N0101010-3 | | Bông y tế chưa tiệt trùng 3cm x 3cm | 500Gr/Gói | Bảo Thạch | Việt Nam | kg | 153.300 | 2.190 | 335.727.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 281 | | N0101010-4 | | Bông viên fi 20, vô trùng | Gói /100g | Bảo Thạch | Việt Nam | Gói | 17.640 | 320 | 5.644.800 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 282 | | N0101010-5 | | Bông mỡ cuộn | 1 cuộn/gói | Bảo Thạch | Việt Nam | Cuộn | 8.799 | 1.400 | 12.318.600 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 283 | 33 | N03.01.010 | Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ | Bơm cho ăn 50cc | 25cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 4.242 | 13.410 | 56.885.220 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 284 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 50cc chích | 25 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 4.242 | 2.950 | 12.513.900 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 285 | 36 | N03.01.040 | Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ | Bơm tiêm 50ml luer dùng cho máy bơm tiêm tự động | 50 cây/hộp | Terumo | Nhật | cái | 9.933 | 19.310 | 191.806.230 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 286 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 20cc | 50 cây/hộp | Terumo | Nhật | cây | 7.728 | 5.100 | 39.412.800 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 287 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 1cc kim 26G x 1/2" | 100 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 588 | 139.362 | 81.944.856 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 288 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 3cc kim 23G 1" ; 25G x 1" | 100 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 588 | 333.920 | 196.344.960 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 289 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 5cc kim 23G x 1" ; 25G x 1"; 25Gx 5/8" | 100 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 609 | 1.983.625 | 1.208.027.625 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 290 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 10cc kim 23G x 1" ; 25G x 1" | 100 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 903 | 1.083.012 | 977.959.836 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 291 | 39 | N03.01.070 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm 20cc kim 23G x 1" | 50 cây/hộp | Vinahankook | Việt Nam | cái | 1.827 | 122.900 | 224.538.300 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 292 | 46 | N03.02.060 | Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ | Kim rút thuốc 18G x 1 1/2" | Hộp/100 cây | Vinahankook | Việt Nam | cây | 286 | 717.900 | 205.319.400 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 293 | 48 | N03.02.080 | Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ | Kim tiêm 25G x 1" 0,5x25mm | Hộp/100 cây | Vinahankook | Việt Nam | cây | 286 | 800 | 228.800 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 294 | 46 | N03.02.060 | Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ | Kim rút thuốc 20G x 1 1/2" | Hộp/100 cây | Vinahankook | Việt Nam | cây | 28.600 | 5.000 | 143.000.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 295 | | N0302080-1 | KIM269 | Kim hậu cầu 26G x 1 1/2" | Hộp/100 cây | Hwajin | Hàn Quốc | cây | 504 | 3.500 | 1.764.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 296 | 48 | N03.02.080 | Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ | Kim tiêm 25G x 1" | Hộp/100 cây | Vinahankook | Việt Nam | cây | 286 | 4.000 | 1.144.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 297 | 48 | N03.02.080 | Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ | Kim tiêm 26G x 1/2" | Hộp/100 cây | Vinahankook | Việt Nam | cây | 286 | 1.500 | 429.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 298 | | N0302080-4 | | Kim nha dài | Hộp/ 100 cây | Terumo | Nhật | cây | 1.155 | 1.700 | 1.963.500 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 299 | | N0302080-5 | KIM272 | Kim nha ngắn | Hộp/ 100 cây | Terumo | Nhật | cây | 1.155 | 16.600 | 19.173.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 300 | 67 | N03.05.010 | Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm) | Dây truyền dịch 20 giọt HANOMED (có màng lọc, kim số: 21G x 11/2", có khóa; dài ≥ 1500mm bằng nhựa PVC cao cấp + Silicone, trắng mờ, mềm dẻo, không gập, không chất DEHP, đầu gắn kim Luer Lock) | | Tanaphar | Việt Nam | sợi | 3.003 | 203.180 | 610.149.540 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 301 | 67 | N03.05.010 | Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm) | Dây truyền dịch 20 giọt/ml (có màng lọc dịch, lọc khí, thể tích bầu ≥ 8,5ml, dây mềm dẻo, không gãy gập, dài ≥ 1550mm, không DEHP) | | MPV | Việt Nam | bộ | 4.956 | 300.350 | 1.488.534.600 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 302 | 67 | N03.05.010 | Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm) | Dây truyền dịch 20 giọt/ml (có màng lọc dịch, lọc khí, đầu gắn kim luer lock, có cổng Y bơm thuốc, dây mềm dẻo, không gãy gập, dài ≥ 1800mm, không DEHP) | | Omiga | Việt Nam | bộ | 7.119 | 104.500 | 743.935.500 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 303 | 67 | N03.05.010 | Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm) | Dây truyền dịch 20 giọt/ml (có màng lọc dịch, lọc khí, đầu gắn kim luer lock, có cổng Y bơm thuốc, có chức năng đuổi khí và khóa dịch tự động, dây mềm dẻo, không gãy gập, dài ≥ 1800mm, không DEHP) | | Omiga | Việt Nam | bộ | 13.881 | 38.250 | 530.948.250 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 304 | 67 | N03.05.010 | Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm) | Dây truyền dịch có bộ điều khiển 10-250ml/giờ (có màng lọc dịch, lọc khí, đầu gắn kim luer lock, có cổng Y bơm thuốc, có khóa dừng truyền dịch tạm thời, dây mềm dẻo, không gãy gập, dài ≥ 1500mm, không DEHP) | | Omiga | Việt Nam | bộ | 40.341 | 1.350 | 54.460.350 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 305 | 69 | N03.05.030 | Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ | Dây truyền máu (đạt tiêu chuẩn châu Âu) | | Perfect | Việt Nam | bộ | 8.316 | 9.530 | 79.251.480 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 306 | 71 | N03.05.050 | Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động các loại, các cỡ | Dây nối máy bơm tiêm tự động dài 140cm, chịu được áp lực cao, không có DEHP (đạt tiêu chuẩn châu Âu) | | Perfect | Việt Nam | sợi | 6.657 | 10.750 | 71.562.750 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 307 | 71 | N03.05.050 | Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động các loại, các cỡ | Dây nối máy bơm tiêm tự động dài 75cm, chịu được áp lực cao, không có DEHP (đạt tiêu chuẩn châu Âu) | thùng/1000 | Perfect | Việt Nam | cái | 4.011 | 1.100 | 4.412.100 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 308 | 72 | N03.05.060 | Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ | Khóa 3 ngã truyền dịch có dây nối 10cm, chịu áp lực, xoay 360 độ | hộp/ 50 cái | Perfect Forest | Malaysia | cái | 4.725 | 7.500 | 35.437.500 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 309 | 72 | N03.05.060 | Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ | Khóa 3 ngã truyền dịch có dây nối 25cm, chịu áp lực, xoay 360 độ | | Perfect Forest | Malaysia | cái | 4.725 | 30.100 | 142.222.500 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 310 | 72 | N03.05.060 | Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ | Khóa 3 ngã truyền dịch không dây, chịu áp lực, xoay 360 độ | hộp/ 100 cái | Perfect Forest | Malaysia | cái | 4.221 | 1.700 | 7.175.700 | CÔNG TY TNHH TBYT ĐỨC LỘC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 311 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây oxy 1 nhánh số từ 8-16 Fr - 40 cm | | Hoàng Sơn | Việt Nam | cái | 2.100 | 3.450 | 7.245.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 312 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây oxy 2 nhánh người lớn | | Khang nguyên | Việt Nam | cái | 3.843 | 71.900 | 276.311.700 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 313 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây oxy 2 nhánh trẻ em | | Khang nguyên | Việt Nam | cái | 3.843 | 5.550 | 21.328.650 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 314 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây oxy 2 nhánh sơ sinh, đi chuyển được phần dây luồn vào mũi | | Life Care | Malaysia | cái | 7.350 | 5.950 | 43.732.500 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 315 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây thở mask có túi dự trữ | | Nanjin Winice | Trung Quốc | bộ | 13.860 | 6.080 | 84.268.800 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 316 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây thở mask có túi dự trữ size XL | | Nanjin Winice | Trung Quốc | bộ | 13.860 | 2.050 | 28.413.000 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 317 | 103 | N04.03.030 | Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ | Dây thở mask có túi dự trữ size M | | Nanjin Winice | Trung Quốc | bộ | 13.860 | 1.730 | 23.977.800 | LIÊN DOANH CÔNG TY TNHH TTBYT ĐỨC ÂN VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 318 | | N0306000-1 | GAN039 | Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng dài 280mm các số | 10 đôi/ bịch | Vinh Đức | Việt Nam | đôi | 1.512 | 1.177.500 | 1.780.380.000 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TBYT VINH ĐỨC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 319 | | N0306000-2 | | Găng tay khám dài 240mm các size | 10 đôi/ bịch | Vinh Đức | Việt Nam | đôi | 1.030 | 1.508.800 | 1.554.064.000 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TBYT VINH ĐỨC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 320 | | N0306000-3 | | Găng tay sản tiệt trùng các số | Hộp 50 đôi | Vinh Đức | Việt Nam | đôi | 10.100 | 216.300 | 2.184.630.000 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TBYT VINH ĐỨC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 321 | | N0306000-4 | GAN038 | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số | Hộp 50 đôi | Vinh Đức | Việt Nam | đôi | 2.810 | 995.480 | 2.797.298.800 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TBYT VINH ĐỨC | Sở Y tế Tây Ninh | Tây Ninh | 3485/QĐ-SYT | 27/12/2018 |
| 195 | | | | Bộ dây đo áp lực động mạch liên tục, theo dõi trên màn hình Monitor | | Bicakcilar | Thổ Nhĩ Kỳ | bộ | 357.000 | 350 | 124.950.000 | CÔNG TY TNHH TBYT HOÀNG LONG ( 01 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 196 | | | | Bóng gây mê 0.5,1,2,3 Lít | | Greetmed | TQ | cái | 52.920 | 50 | 2.646.000 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 197 | | | | Giấy lọc | | Bali | Đài Loan | bịt | 963.600 | 30 | 28.908.000 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 198 | | | | Máy đo huyết áp người lớn không ống nghe | | Yamasu (Kenzmedico) | Nhật Bản | cái | 375.375 | 60 | 22.522.500 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 199 | | | | Nút đậy quả lọc thận | | MTS | VN | cái | 1.890 | 80.000 | 151.200.000 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 200 | | | | Ống nghe người lớn | | Yamasu (Kenzmedico) | Nhật Bản | cái | 115.500 | 100 | 11.550.000 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 201 | | | | Quả bo máy đo huyết áp | | Greetmed | TQ | cái | 14.553 | 150 | 2.182.950 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 202 | | | | Van máy đo huyết áp | | Greetmed | TQ | cái | 13.860 | 100 | 1.386.000 | CÔNG TY TNHH TTBYT HƯNG PHÁT ( 07 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 203 | | | | Calcium hydroxyde | lọ 10g | Prevest | Ấn độ | lọ | 90.000 | 10 | 900.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 204 | | | | Caviton | 30g/ 1 lọ | GC | Nhật | lọ | 250.000 | 10 | 2.500.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 205 | | | | Chêm gỗ | | | Mỹ | cái | 3.000 | 300 | 900.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 206 | | | | Ultra park | | | Mỹ | lọ | 510.000 | 2 | 1.020.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 207 | | | | Chỉ nha khoa ORAL B | 50m/ cuộn | | Mỹ | cuộn | 80.000 | 4 | 320.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 208 | | | | Chổi đánh bóng | | TPC | Mỹ | cái | 4.000 | 100 | 400.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 209 | | | | Denfil Flo | | | Hàn Quốc | tube | 220.000 | 10 | 2.200.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 210 | | | | Sò đánh bóng | | Ortho | Mỹ | con | 4.000 | 100 | 400.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 211 | | | | Cone chính | | | Hàn Quốc | hộp | 90.000 | 80 | 7.200.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 212 | | | | Cone giấy | | | Hàn Quốc | hộp | 90.000 | 40 | 3.600.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 213 | | | | Cone phụ | | | Hàn Quốc | hộp | 120.000 | 20 | 2.400.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 214 | | | | Cung buộc hàm | 2 thanh/ 1 bộ | | Việt Nam | bộ | 60.000 | 30 | 1.800.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 215 | | | | Đai nhám kẻ | | GC | Nhật | miếng | 90.000 | 4 | 360.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 216 | | | | Đai nhựa cellulose | 500 miếng/ 1 ống | | Mỹ | ống | 525.000 | 1 | 525.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 217 | | | | Etching | 5ml/ 1 Tube | Prevest | Ấn độ | tube | 90.000 | 20 | 1.800.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 218 | | | | Eugenol | 100ml/ 1 lọ | Prevest | Ấn độ | lọ | 90.000 | 10 | 900.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 219 | | | | GC-Gold label 9 | 15g/ 1 hộp | GC | Nhật | hộp | 1.250.000 | 20 | 25.000.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 220 | | | | H-Files | 6 cây/ 1 hộp | Mani | Nhật | hộp | 130.000 | 60 | 7.800.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 221 | | | | Zinc Oxyde | | Prevest | Ấn độ | lọ | 90.000 | 5 | 450.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 222 | | | | K-Files | 6 cây/ 1 hộp | Mani | Nhật | hộp | 130.000 | 80 | 10.400.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 223 | | | | lèn ngang | | | | cây | 50.000 | 80 | 4.000.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 224 | | | | Ly nhựa đục | | | Việt Nam | cái | 560 | 15.000 | 8.400.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 225 | | | | Mũi đánh bóng Composite | | | Mỹ | cái | 60.000 | 20 | 1.200.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 226 | | | | Mũi Endo-Z | | Romidan | Isreal | Mũi | 180.000 | 10 | 1.800.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 227 | | | | Mũi Gate | | Mani | Nhật | Mũi | 70.000 | 10 | 700.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 228 | | | | Mũi khoan kim cương | | Romidan | Isreal | Mũi | 35.000 | 80 | 2.800.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 229 | | | | Đài enhane | | | Mỹ | cái | 60.000 | 50 | 3.000.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 230 | | | | Tăm bông | lọ 100 cái | TPC | Mỹ | lọ | 105.000 | 15 | 1.575.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 231 | | | | Vật liệu tê bôi | 30ml/ 1 lọ | | Mỹ | lọ | 160.000 | 3 | 480.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 232 | | | | vật liệu tê xịt | | | Hungary | lọ | 225.000 | 2 | 450.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 233 | | | | Trâm gai VN | 12 cây/ 1 hộp | | Việt Nam | hộp | 25.000 | 300 | 7.500.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 234 | | | | Trục lắp đĩa đánh bóng | | | Mỹ | cái | 183.000 | 10 | 1.830.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 235 | | | | Vaseline | 20g/ 1 lọ | | Việt Nam | lọ | 25.000 | 2 | 50.000 | CÔNG TY TNHH LIÊN NHA ( 33 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 236 | | | | Ampu bóp bóng giúp thở người lớn | | Greetmed | TQ | cái | 190.000 | 50 | 9.500.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 237 | | | | Ampu bóp bóng giúp thở sơ sinh | | Greetmed | TQ | cái | 190.000 | 20 | 3.800.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 238 | | | | Bao cao su Number one | | An Phú | Việt Nam | cái | 600 | 12.000 | 7.200.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 239 | | | | Bao khoan điện | | Thời Thanh Bình | Việt nam | cái | 13.650 | 900 | 12.285.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 240 | | | | Bình thông phổi - 1.600ml | | Greetmed | TQ | cái | 63.000 | 300 | 18.900.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 241 | | | | Bình tạo ẩm oxy | | Greetmed | TQ | cái | 60.000 | 40 | 2.400.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 242 | | | | Bóng đèn nội khí quản | | AAS | Pakistan | cái | 35.000 | 150 | 5.250.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 243 | | | | Giấy đo điện tim 1 cần 50mm x 30m | | Telepaper | Malaysia | cuộn | 16.000 | 200 | 3.200.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 244 | | | | Giấy đo điện tim 3 cần 60mm x 30m | | Telepaper | Malaysia | cuộn | 29.000 | 2.000 | 58.000.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 245 | | | | Giấy đo điện tim dùng cho máy Suzuken Cardico 1210 P210 x 25R | | Telepaper | Malaysia | cuộn | 220.000 | 400 | 88.000.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 246 | | | | Giấy in Monitor sản khoa 130 x 120-300P | | Telepaper | Malaysia | xấp | 78.000 | 200 | 15.600.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 247 | | | | Giấy monitor sản khoa 112mm x 100mm x 150 tờ | | Telepaper | Malaysia | xấp | 78.000 | 100 | 7.800.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 248 | | | | Lam kính trơn 7102 | 72miếng/ hộp | Greetmed | TQ | hộp | 20.000 | 2.000 | 40.000.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 249 | | | | nhiệt kế thủy ngân | | Greetmed | TQ | cái | 11.000 | 500 | 5.500.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 250 | | | | Ống mao dẫn Haematokrit | | Witeg | Đức | tube | 45.000 | 20 | 900.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 251 | | | | Tăm bông rái tai | bịch/10 bịch nhỏ | | Việt Nam | bịch | 50.000 | 80 | 4.000.000 | CÔNG TY TNHH SX-TM TTBYT PHAN ANH ( 16 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 252 | | | | Áo choàng tiệt trùng cái | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 10.500 | 400 | 4.200.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 253 | | | | Bao giày phẫu thuật | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | đôi | 1.760 | 9.000 | 15.840.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 254 | | | | Bao tóc tiệt trùng - xếp | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 620 | 65.000 | 40.300.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 255 | | | | Dây garo | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 1.890 | 1.500 | 2.835.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 256 | | | | Gel siêu âm | | An Phú | Việt Nam | bình | 92.400 | 120 | 11.088.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 257 | | | | Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp thun đeo tai Fami-med | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 567 | 170.000 | 96.390.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 258 | | | | Vòng đeo tay bệnh nhân | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 1.470 | 7.000 | 10.290.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 259 | | | | Que phết tế bào âm đạo | hộp/ 100 cái | Lạc Việt | Việt Nam | hộp | 63.000 | 30 | 1.890.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 260 | | | | Tạp dề phẫu thuật | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 3.150 | 50.000 | 157.500.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 261 | | | | Ống hút nha | | Thời Thanh Bình | Việt Nam | cái | 525 | 5.000 | 2.625.000 | CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH ( 10 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 262 | | | | 41282 - Keo dán 1 bước Single Bond Universal | | 3M | Đức | lọ | 1.550.000 | 5 | 7.750.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 263 | | | | 1370 - Composite QTH Z250, màu A2/ A3/ A3.5 | | 3M | Đức | tube | 420.000 | 25 | 10.500.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 264 | | | | 4391 - Đĩa đánh bóng Softlex | 24/cái | 3M | Đức | gói | 265.000 | 10 | 2.650.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 265 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Nẹp cố định FOR208M06 | | Osteonic | Hàn Quốc | cái | 465.000 | 30 | 13.950.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 266 | 281 | N07.06.050 | Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ | Nẹp cố định OST310M16 | | Osteonic | Hàn Quốc | cái | 765.000 | 20 | 15.300.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 267 | | | | Vít cố định O190xx | | Osteonic | Hàn Quốc | cái | 174.000 | 350 | 60.900.000 | Công ty TNHH phân phối nha khoa Rạng Đông ( 06 mặt hàng ) | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 533/QĐ-BVĐK | 24/12/2018 |
| 322 | | | Cốc bệnh phẩm | Cốc bệnh phẩm | 1000 cái/gói | Greetmed | Trung Quốc | Gói | 630.000 | 2 | 1.260.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 323 | | | Pipet tự động 100-1000 | Pipet tự động 100-1000 | 100-1000µ | Witeg | Đức | Cây | 2.604.000 | 1 | 2.604.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 324 | | | Pipet tự động 10-100 | Pipet tự động 10-100 | 10-100µ | Witeg | Đức | Cây | 2.604.000 | 1 | 2.604.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 325 | | | Pipet tự động 5-50 | Pipet tự động 5-50 | 5-50µ | Witeg | Đức | Cây | 2.604.000 | 1 | 2.604.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 326 | 11 | N02.01.040 | Băng cuộn (băng gạc) | Băng cuộn (băng gạc) | Gói 50 cuộn | Đông pha | Việt Nam | Cuộn | 2.100 | 720 | 1.512.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 327 | 11 | N02.01.040 | Băng keo cá nhân | Băng keo cá nhân | H/100miếng | Milopha | Việt Nam | Hộp | 24.780 | 28 | 693.840 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 328 | | | Băng keo đổi màu | Băng keo đổi màu | H/1 cuộn | 3M-USA | 3M-USA | Cuộn | 147.000 | 15 | 2.205.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 329 | 11 | N02.01.040 | Băng keo giấy 1.25x5 | Băng keo giấy 1.25x5 | H/1cuộn | Young | Korea | Cuộn | 13.650 | 733 | 10.005.450 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 330 | 11 | N02.01.040 | Băng keo giấy 2.5x5 | Băng keo giấy 2.5x5 | H/1cuộn | Young | Korea | Cuộn | 21.000 | 17 | 357.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 331 | 11 | N02.01.040 | Băng keo nòng xanh | Băng keo nòng xanh | H/12cuộn | Young | Korea | Cuộn | 24.700 | 413 | 10.201.100 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 332 | 9 | N02.01.020 | Băng thun 3 móc | Băng thun 3 móc | H/12cuộn | Minh quang | Việt nam | Cuộn | 14.700 | 87 | 1.278.900 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 333 | | | Bình tia | Bình tia | Chai 500ml | Việt nam | Việt Nam | Chai | 24.570 | 10 | 245.700 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 334 | | | Bóng đèn mổ | Bóng đèn mổ | Hộp 1 cái | Greetmed | Trung Quốc | Cái | 33.000 | 20 | 660.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 335 | | | Cassette A | Cassette A | 30*40cm | JPI | Korea | Cái | 2.362.500 | 2 | 4.725.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 336 | | | Cassette C | Cassette C | 18*24cm | JPI | Korea | Cái | 1.764.000 | 2 | 3.528.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 337 | | | Cây móc treo dịch truyền inox | Cây móc treo dịch truyền inox | (điều chỉnh được 1.4 - 2 m) | Tuyết lan | Việt nam | Cây | 253.000 | 3 | 759.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 338 | | | Đầu col vàng | Đầu col vàng | Gói 100 cái | Greetmed | Trung Quốc | Gói | 14.700 | 20 | 294.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 339 | | | Đầu col xanh | Đầu col xanh | Gói 500 cái | Greetmed | Trung Quốc | Gói | 126.000 | 20 | 2.520.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 340 | 99 | N04.02.060 | Dây hút đàm nhớt 16 | Dây hút đàm nhớt 16 | Gói 1 sợi | Greetmed | Trung Quốc | Sợi | 3.150 | 21 | 66.150 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 341 | | | Dây máy điện châm 1=>4 | Dây máy điện châm 1=>4 | Gói 1 sợi | Bách Khoa | Việt Nam | Sợi | 21.000 | 465 | 9.765.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 342 | 18 | N02.03.020 | Gạc tiệt trùng | Gạc tiệt trùng | Gói 10 miếng | Đông pha | Việt Nam | Gói | 3.150 | 1.564 | 4.926.600 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 343 | | | Gel siêu âm (Bình 5 lít ) | Gel siêu âm (Bình 5 lít ) | Can 5 lít | KY | Malaysia | Can | 168.000 | 68 | 11.424.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 344 | | | Giấy đo ECG 63x30 | Giấy đo ECG 63x30 | Hộp 10 cuộn | Tepleper | Maylaysia | Cuộn | 33.000 | 280 | 9.240.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 345 | | | Giấy gói thuốc bắc | Giấy gói thuốc bắc | 60 x 130 cm | Gia Hưng | Việt Nam | Xấp | 352.000 | 100 | 35.200.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 346 | | | Giấy lau kính hiển vi | Giấy lau kính hiển vi | 50sheets, 8,5 x 11cm | Greetmed | Trung Quốc | Gói | 24.200 | 6 | 145.200 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 347 | 121 | N05.02.040 | Kim khâu có chỉ | Kim khâu có chỉ | số 3/0, 75cm | CPT | Việt Nam | Cái | 31.500 | 10 | 315.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 348 | | | Lam kính 7102 | Lam kính 7102 | H/72 miếng | Greetmed | Trung Quốc | Hộp | 22.000 | 50 | 1.100.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 349 | 84 | N03.07.070 | Lọ xét nghiệm 10cm | Lọ xét nghiệm 10cm | Gói 100 cái | HTM | Việt Nam | Cái | 1.680 | 4.200 | 7.056.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 350 | | | Mặt nạ khí dung | Mặt nạ khí dung | Gói 1 cái | Greetmed | Trung Quốc | Cái | 23.100 | 5 | 115.500 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 351 | | | Máy điện châm 12 kim | Máy điện châm 12 kim | Hộp 1 cái | Bách Khoa | Việt Nam | Cái | 315.000 | 95 | 29.925.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 352 | | | Máy điện châm loại lớn | Máy điện châm loại lớn | Hộp 1 cái | GreatWall | China | Cái | 1.764.000 | 10 | 17.640.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 353 | | | Natri Benzoat | Natri Benzoat | Gói 1 kg | USE Dinfood | Trung Quốc | Kg | 176.000 | 5 | 880.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 354 | | | Nước cất | Nước cất | Can 30lít | Asan | Việt Nam | Lít | 8.400 | 60 | 504.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 355 | | | Ống nghiệm Heparin | Ống nghiệm Heparin | Hộp 100 cái | HTM | Việt Nam | Hộp | 123.900 | 35 | 4.336.500 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 356 | | | Ống nghiệm Citrat | Ống nghiệm Citrat | Hộp 100 cái | HTM | Việt Nam | Hộp | 97.650 | 15 | 1.464.750 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 357 | | | Ống nghiệm Edta | Ống nghiệm Edta | Hộp 100 cái | HTM | Việt Nam | Hộp | 97.650 | 35 | 3.417.750 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 358 | | | Ống nghiệm nhựa nắp trắng | Ống nghiệm nhựa nắp trắng | Gói 100 cái | HTM | Việt Nam | Cái | 504 | 20.000 | 10.080.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 359 | 93 | N04.01.090 | Ống thông tiểu số 16 | Ống thông tiểu số 16 | Bịch 1 sợi | Greetmed | Trung Quốc | Ống | 13.650 | 39 | 532.350 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 360 | 91 | N04.01.070 | Ống xông khí dung nhựa | Ống xông khí dung nhựa | đk 2 cm | BSP | Việt Nam | Cái | 4.200 | 10 | 42.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 361 | | | Phấn Tal | Phấn Tal | Chai 500g | Trung Quốc | Trung Quốc | Chai | 129.800 | 10 | 1.298.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 362 | | | Phim A | Phim A | Hộp 100 tấm | Retina | USA | Hộp | 2.100.000 | 10 | 21.000.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 363 | | | Phim C | Phim C | Hộp 100 tấm | Retina | USA | Hộp | 840.000 | 8 | 6.720.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 364 | | | Que đè lưỡi tiệt trùng | Que đè lưỡi tiệt trùng | Hộp 100 cây | Bá lạc | Việt Nam | Hộp | 31.500 | 10 | 315.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 365 | 2 | N01.01.020 | Que tăm bông 1 đầu dài | Que tăm bông 1 đầu dài | Gói 100 cây | Bạch Tuyết | Việt Nam | Gói | 39.900 | 100 | 3.990.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 366 | | | Thuốc rửa phim | Thuốc rửa phim | Thùng 1 bộ | Retina | USA | Bộ | 1.430.000 | 12 | 17.160.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 367 | 7 | N01.02.050 | Cloramin B (viên) | Cloramin B (viên) | Thùng 50kg | Nissan | Nhật | Kg | 228.800 | 150 | 34.320.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 368 | 63 | N03.03.140 | Kim Laser nội mạch | Kim Laser nội mạch | | Kangxing | China | Bộ | 42.000 | 3.000 | 126.000.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 369 | 93 | N04.01.090 | Sonde dạ dạy (loại mềm) | Sonde dạ dạy (loại mềm) | Số 14 | Greetmed | Trung Quốc | Sợi | 6.300 | 30 | 189.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 370 | 83 | N03.07.060 | Túi đựng nước tiểu | Túi đựng nước tiểu | 2000ml | Greetmed | Trung Quốc | Túi | 6.300 | 50 | 315.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 371 | | | Capot | Capot | Hộp/100 cái | An Phú | Việt Nam | Cái | 840 | 100 | 84.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 372 | 93 | N04.01.090 | Sonde Foley số 14 | Sonde Foley số 14 | Gói 1 sợi | Greetmed | Trung Quốc | Sợi | 14.700 | 15 | 220.500 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 373 | | | Máy SpO2(Máy đo nồng độ oxy trong máu và nhịp tim) | Máy SpO2(Máy đo nồng độ oxy trong máu và nhịp tim) | Beurer | Creative | China | Bộ | 1.470.000 | 1 | 1.470.000 | Cty Tuyết Lan | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 374 | 332 | N09.00.010 | Bóng đèn hồng ngoại | Bóng đèn hồng ngoại | H/1 cái | GreetMed | Trung Quốc | Cái | 85.000 | 29 | 2.465.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 375 | | | Chén chum inox | Chén chum inox | Gói 1 cái | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 21.000 | 10 | 210.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 376 | | | Dây garo | Dây garo | Gói 10 sợi | Tương Lai | Việt Nam | Sợi | 3.000 | 64 | 192.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 377 | 92 | N04.03.030 | Dây thở oxy 2 nhánh | Dây thở oxy 2 nhánh | Gói 1 sợi | GreetMed | Trung Quốc | Sợi | 7.000 | 66 | 462.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 378 | | | Hộp đựng gòn châm cứu (tròn 8.5) | Hộp đựng gòn châm cứu (tròn 8.5) | Gói 1 cái | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 32.000 | 17 | 544.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 379 | | | Hộp hủy kim (nhỏ) | Hộp hủy kim (nhỏ) | 1.5 lít | Tương Lai | Việt Nam | Cái | 13.000 | 72 | 936.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 380 | | | Hộp hủy kim (lớn) | Hộp hủy kim (lớn) | 6 lít | Tương Lai | Việt Nam | Cái | 24.000 | 140 | 3.360.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 381 | | | Huyết áp (không ống nghe) | Huyết áp (không ống nghe) | Hộp 1 cái | Yamasu | Nhật Bản | Cái | 370.000 | 37 | 13.690.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 382 | | | Huyết áp nhi | Huyết áp nhi | Hộp 1 cái | Yamasu | Nhật Bản | Cái | 520.000 | 2 | 1.040.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 383 | | | Khẩu trang giấy | Khẩu trang giấy | Hộp 50 Cái | Nam Anh | Việt Nam | Hộp | 30.000 | 61 | 1.830.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 384 | | | Khay hạt đậu inox | Khay hạt đậu inox | 800ml | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 70.000 | 2 | 140.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 385 | | | Lọ cắm pen | Lọ cắm pen | loại trung | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 38.000 | 14 | 532.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 386 | | | Mâm inox | Mâm inox | 30*40cm | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 130.000 | 17 | 2.210.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 387 | | | Mâm inox | Mâm inox | 20x30cm | Vinh Tấn | Việt Nam | Cái | 70.000 | 5 | 350.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 388 | | | Pen thẳng có mấu | Pen thẳng có mấu | 17 cm | Goldsun | Pakistan | Cái | 38.000 | 2 | 76.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 389 | | | Pen thẳng không mấu | Pen thẳng không mấu | 17cm | Goldsun | Pakistan | Cái | 38.000 | 9 | 342.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 390 | | | Pen cong không mấu | Pen cong không mấu | 17cm | Goldsun | Pakistan | Cái | 38.000 | 3 | 114.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 391 | | | Que đè lưỡi tiệt trùng | Que đè lưỡi tiệt trùng | Hộp<br>100 cây | Bá Lạc | Việt Nam | Hộp | 30.000 | 10 | 300.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 392 | | | Sáp Paraffin | Sáp Paraffin | Bao 50kg | KunLun | Trung Quốc | Kg | 80.000 | 300 | 24.000.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 393 | | | Túi hơi huyết áp | Túi hơi huyết áp | Gói 1 cái | Việt Nam | Việt Nam | Cái | 40.000 | 15 | 600.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 394 | | | Xe đẩy máy điện tim | Xe đẩy máy điện tim | 40*60*85 | Hưng Long | Việt Nam | Chiếc | 760.000 | 4 | 3.040.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 395 | | | Xe đẩy thuốc 2 tầng không ngăn kéo | Xe đẩy thuốc 2 tầng không ngăn kéo | 50*80*85 | Hưng Long | Việt Nam | Cái | 860.000 | 1 | 860.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 396 | | | Xe tiêm (2 tầng có tủ) | Xe tiêm (2 tầng có tủ) | 50*80*85 | Hưng Long | Việt Nam | Chiếc | 1.200.000 | 9 | 10.800.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 397 | | | Men vi sinh | Men vi sinh | Gói 1 kg | Bio-EMS | Việt Nam | Kg | 100.000 | 50 | 5.000.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 398 | 66 | N03.04.010 | Kim châm cứu số 1 | Kim châm cứu số 1 | 0,30x13 | Thiên Long | Việt Nam | Cây | 480 | 90000 | 43.200.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 399 | 66 | N03.04.010 | Kim châm cứu số 2 | Kim châm cứu số 2 | 0,30x25 | Thiên Long | Việt Nam | Cây | 480 | 480000 | 230.400.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 400 | 66 | N03.04.010 | Kim châm cứu số 4 | Kim châm cứu số 4 | 0,30x40 | Thiên Long | Việt Nam | Cây | 480 | 149000 | 71.520.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 401 | 66 | N03.04.010 | Kim châm cứu | Kim châm cứu | 0,30x75 | Thiên Long | Việt Nam | Cây | 480 | 13500 | 6.480.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 402 | 66 | N03.04.010 | Kim châm cứu | Kim châm cứu | 0,30x150 | Thiên Long | Việt Nam | Cây | 2.800 | 3000 | 8.400.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 403 | 66 | N05.02.060 | Chỉ Chromic Catgut số 4/0 | Chỉ Chromic Catgut số 4/0 | H/24 tép | CPT | Việt Nam | Tép | 28.000 | 100 | 2.800.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 404 | | | Ống tiêm inox | Ống tiêm inox | 1,8ml | Goldsun | Pakistan | Cái | 210.000 | 1 | 210.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 405 | | | Máy thử đường huyết | Máy thử đường huyết | AccuChek | Munchen | Đức | Bộ | 1.400.000 | 1 | 1.400.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 406 | | | Que thử đường huyết | Que thử đường huyết | H/25que | Active | Đức | Que | 11.000 | 100 | 1.100.000 | Cty Minh Toàn | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh | Tây Ninh | 541/QĐ-BVYDCT | 09/12/2018 |
| 272 | 47 | N03.02.070 | Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ | Vasofix Safety G18,1.75 In,1.3X45mm | | B.Braun | Malaysia | cái | 15.750 | 1.600 | 25.200.000 | Công ty TNHH TTBYT Hoàng Ánh Dương | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 63/QĐ-BVĐK | 22/03/2019 |
| 273 | 47 | N03.02.070 | Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ | Vasofix Safety G20,1.25 In,1.1X33mm | | B.Braun | Malaysia | cái | 15.750 | 3.000 | 47.250.000 | Công ty TNHH TTBYT Hoàng Ánh Dương | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 63/QĐ-BVĐK | 22/03/2019 |
| 274 | 47 | N03.02.070 | Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ | Vasofix Safety G22,1 In, 0.9X25mm | | B.Braun | Malaysia | cái | 15.750 | 6.000 | 94.500.000 | Công ty TNHH TTBYT Hoàng Ánh Dương | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 63/QĐ-BVĐK | 22/03/2019 |
| 275 | 47 | N03.02.070 | Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ | Introcan Safety G24, 0.7X19mm | | B.Braun | Malaysia | cái | 14.700 | 2.000 | 29.400.000 | Công ty TNHH TTBYT Hoàng Ánh Dương | Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh | Tây Ninh | 63/QĐ-BVĐK | 22/03/2019 |